

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 – 2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Đoan

Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2017/TLST- HNGĐ ngày 11/8/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987 (vắng mặt có lý do)

Trú tại: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Giang Thị Mỹ L, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Tổ 5, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2017 và bản tự khai anh K trình bày:

Anh K và chị L chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 76, do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 31/10/2013. Chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2013. Khi ly hôn anh K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết anh K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kèm theo đơn khởi kiện anh K cung cấp cho Tòa án bản chính giấy đăng ký kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Giang Thị Mỹ L trình bày:

Chị L và anh K chung sống và đăng ký kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã. Trước yêu cầu ly hôn của anh K thì chị L cũng đồng ý ly hôn. Vợ chồng chung sống có 01 con chung Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2013, khi ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước

khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đề xuất Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh K và chị L được ly hôn. Về con chung giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Giang Thị Mỹ L và chị L hiện cư trú tại ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định nhưng do anh K bận công việc nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Tại phiên Tòa chị L cũng thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thống nhất như anh K trình và trước yêu cầu ly hôn của anh K thì chị L cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: mục đích của hôn nhân là

việc vợ chồng yêu thương nhau, cùng chăm lo cho gia đình và có cuộc sống hạnh phúc, anh K và chị L đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Anh K yêu cầu ly hôn chị L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh K và chị L được ly hôn.

[4] Về con chung: vợ chồng chung sống anh K và chị L có 01 con chung là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2013. Khi ly hôn anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Linh cho anh K nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K ly hôn với chị Giang Thị Mỹ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76, do Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 31/10/2013 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2013 cho anh Nguyễn Văn K nuôi dưỡng chị Giang Thị Mỹ L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012280 ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND H. Hớn Quản
- Chi cục THADS H. Hớn Quản
- Đương sự
- TAND tỉnh Bình Phước
- Nơi cấp GCNKH
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Văn Vân